

|            |            |         |         |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày       | 71,400 VNĐ |         |         |
| 30/09/2024 |            |         |         |
| Thay đổi   | 1 tháng    | 3 tháng | 6 tháng |
|            | -7.2%      | -11.2%  | -8.7%   |

|       |       |                   |
|-------|-------|-------------------|
| Q3/24 |       |                   |
| ROE   | 27.6% | +/- YoY<br>▲ 4.6% |

|          |        |                         |
|----------|--------|-------------------------|
| Q3/24    |        |                         |
| DT thuần | 1,977  | QoQ<br>▲ 44.0<br>▲ 2.3% |
|          | tỷ VNĐ | YoY<br>▲ 272<br>▲ 16.0% |

|          |       |                         |
|----------|-------|-------------------------|
| 9T 2024  |       |                         |
| DT thuần | 5,736 | YoY<br>▲ 974<br>▲ 20.5% |

|        |        |                          |
|--------|--------|--------------------------|
| Q3/24  |        |                          |
| LN gộp | 296    | QoQ<br>▲ 52.0<br>▲ 21.3% |
|        | tỷ VNĐ | YoY<br>▲ 79.0<br>▲ 36.4% |

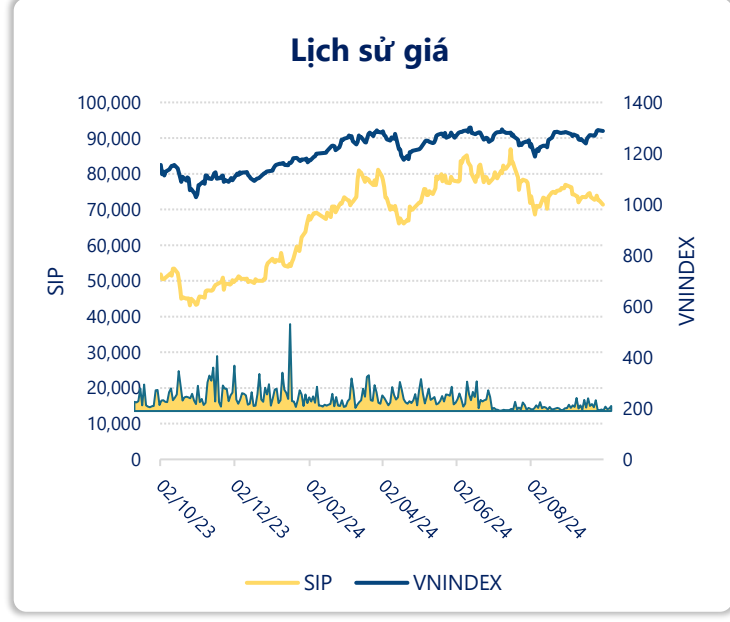
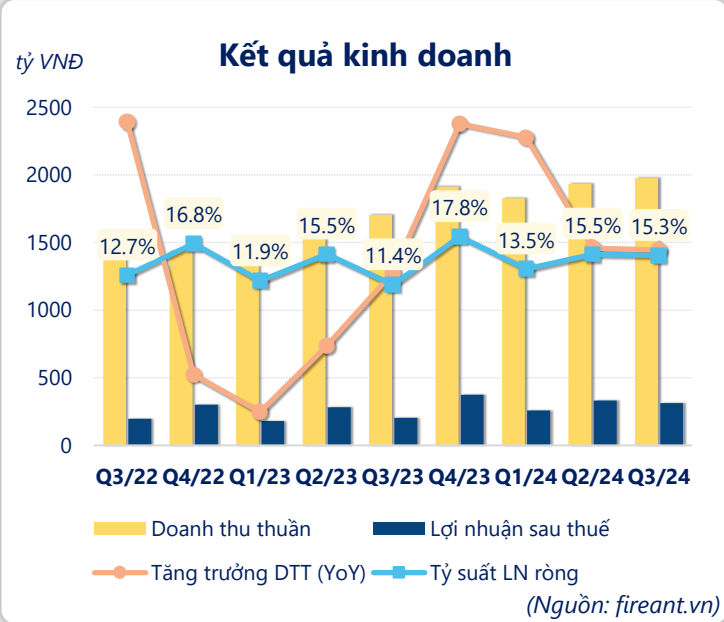
|         |     |                         |
|---------|-----|-------------------------|
| 9T 2024 |     |                         |
| LN gộp  | 812 | YoY<br>▲ 174<br>▲ 27.3% |

|          |        |                         |
|----------|--------|-------------------------|
| Q3/24    |        |                         |
| LN thuần | 385    | QoQ<br>▼ 22.0<br>▼ 5.3% |
|          | tỷ VNĐ | YoY<br>▲ 136<br>▲ 54.7% |

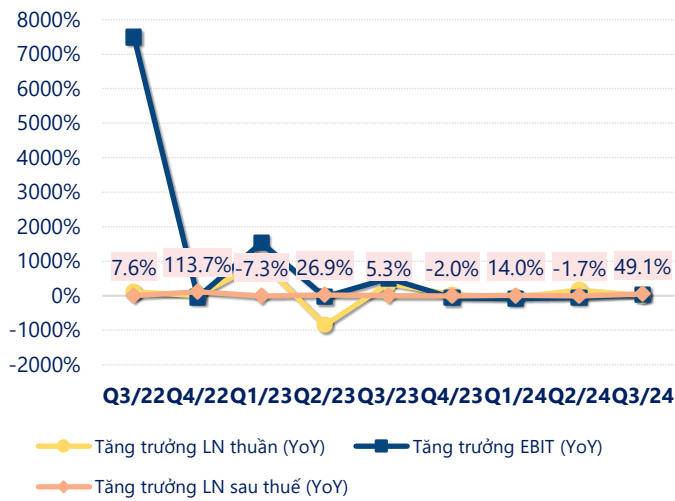
|          |       |                         |
|----------|-------|-------------------------|
| 9T 2024  |       |                         |
| LN thuần | 1,105 | YoY<br>▲ 253<br>▲ 29.7% |

|             |        |                         |
|-------------|--------|-------------------------|
| Q3/24       |        |                         |
| LN sau thuế | 314    | QoQ<br>▼ 17.0<br>▼ 5.3% |
|             | tỷ VNĐ | YoY<br>▲ 111<br>▲ 54.5% |

|             |     |                         |
|-------------|-----|-------------------------|
| 9T 2024     |     |                         |
| LN sau thuế | 902 | YoY<br>▲ 239<br>▲ 36.0% |

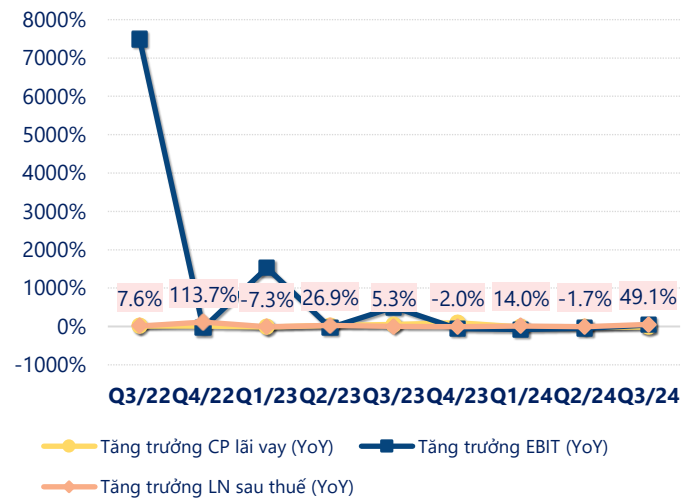


## Tăng trưởng lợi nhuận



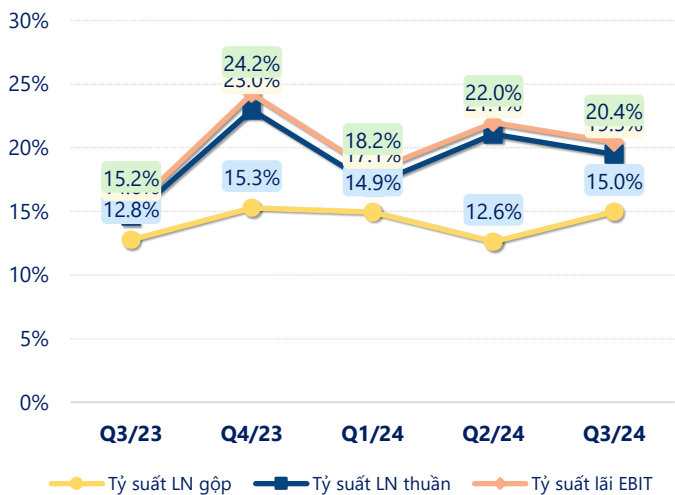
(Nguồn: fireant.vn)

## Tăng trưởng chi phí



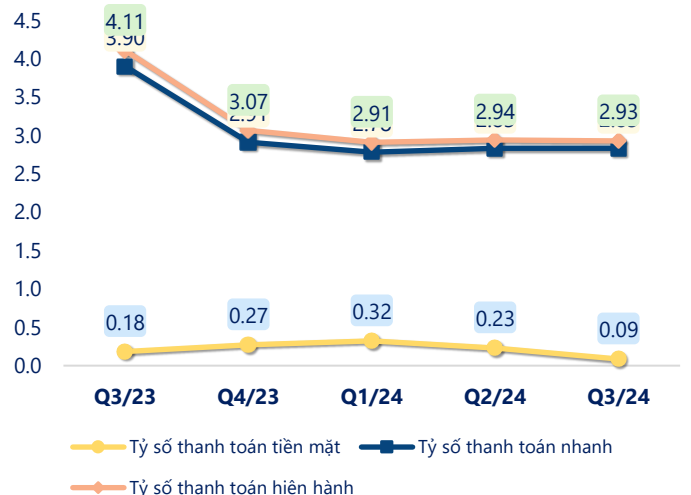
(Nguồn: fireant.vn)

## Tỷ suất lợi nhuận



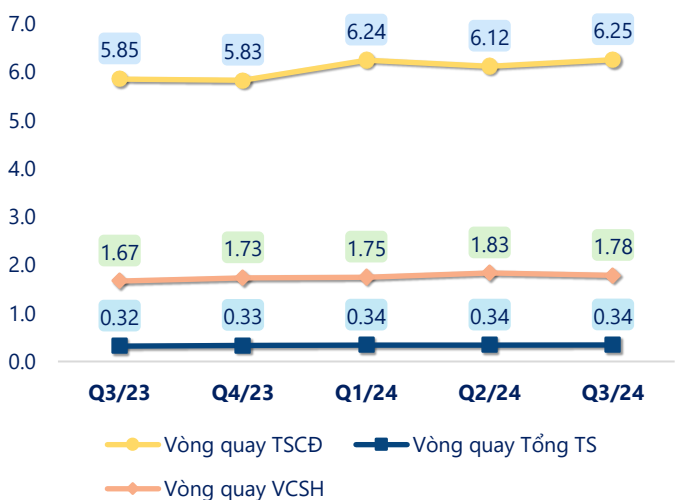
(Nguồn: fireant.vn)

## Chỉ số thanh khoản



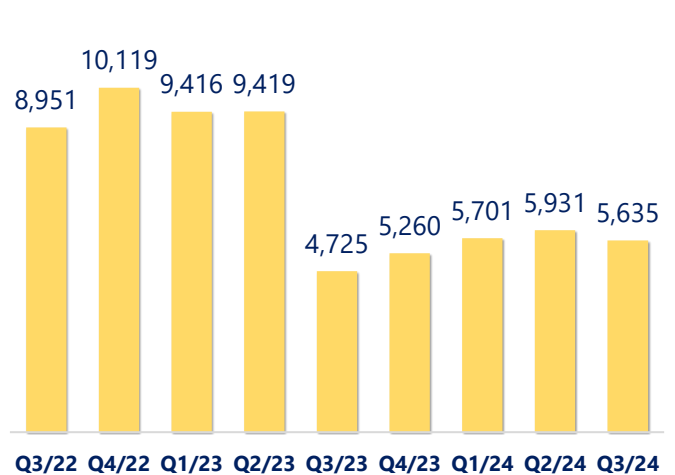
(Nguồn: fireant.vn)

## Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

## EPS



(Nguồn: fireant.vn)

| KẾT QUẢ KINH DOANH<br>(tỷ VNĐ) | Q3/24 | Q3/23 | Thay đổi<br>YoY | 9T 2024 | 9T 2023 | Thay đổi<br>YoY |
|--------------------------------|-------|-------|-----------------|---------|---------|-----------------|
| Doanh thu thuần                | 1,977 | 1,705 | 16.0%           | 5,736   | 4,762   | 20.5%           |
| Giá vốn hàng bán               | 1,681 | 1,487 | 13.0%           | 4,924   | 4,124   | 19.4%           |
| Lợi nhuận gộp                  | 296   | 217   | 36.4%           | 812     | 638     | 27.3%           |
| Doanh thu HĐTC                 | 135   | 53.2  | 154%            | 392     | 300     | 30.8%           |
| Chi phí TC                     | 40.2  | 20.2  | 99.3%           | 75.0    | 71.3    | 5.1%            |
| Chi phí lãi vay                | 19.9  | 11.0  | 81.1%           | 51.7    | 41.4    | 25.0%           |
| LN trong công ty LKLD          | 18.2  | 22.2  | -18.0%          | 51.9    | 61.1    | -15.1%          |
| Chi phí bán hàng               | 3.69  | 3.50  | 5.4%            | 12.8    | 12.0    | 6.5%            |
| Chi phí QLDN                   | 20.3  | 20.5  | -0.9%           | 63.8    | 63.8    | -0.1%           |
| LN thuần từ HĐKD               | 385   | 249   | 54.7%           | 1,105   | 852     | 29.7%           |
| Lợi nhuận khác                 | -1.34 | -0.21 | -536%           | 4.43    | 2.81    | 57.3%           |
| LN trước thuế                  | 384   | 248   | 54.8%           | 1,109   | 854     | 29.8%           |
| Lợi nhuận sau thuế             | 314   | 203   | 54.5%           | 902     | 663     | 36.0%           |
| LNST của CĐ cty mẹ             | 302   | 194   | 55.6%           | 847     | 617     | 37.3%           |

(Nguồn: fireant.vn)

